KÝ HIỆU

- Đ.T TR. S. C+ QUAN
- Đ.T TRUNG TAM CÔNG C. NG
- Đ.T TRN. NG H. C
- Đ.T _ CH.NH TRANG
- Đ.T _ NV - BT
- Đ.T _ M. I
- Đ.T CÂY XANH CÔNG Viện - TDTT
- Đ.T THN x NG MỘ I. CH V.
- Đ.T CÂY XANH CHUYÊN D.
- Đ.T TR. NG TIỂ NG
- Đ.T QUẢN S
- MươI NH. _ C
- CÂY XANH CÁCH LY
- RANH GI. I QUY HOẠCH
- Bãi ô tô XE
- Sân NG R.

BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ TIM ĐƯỜNG

STT	ĐIỂM	TOẠ ĐỘ X	TOẠ ĐỘ Y
1	1	1629981.489	530757.599
2	2	1629851.912	530972.211
3	3	1629779.282	531060.968
4	4	1629658.222	531064.104
5	5	1629569.147	530463.356
6	6	1629566.669	530137.176
7	7	1629567.710	529954.600
8	8	1629567.710	529912.600
9	9	1629649.438	519858.092
10	10	1629648.892	519774.333
11	11	1629653.662	519611.330
12	12	1629657.469	529263.116
13	13	1629739.967	530696.651
14	14	1629805.536	530864.241
15	15	1629824.168	530896.916
16	16	1629852.376	530941.640
17	17	1629858.574	519898.640
18	18	1629956.151	519904.509
19	19	1629956.545	519704.150
20	20	1629791.182	519661.714
21	21	1629619.182	519624.773
22	22	1629737.843	519613.289
23	23	1629737.843	519613.289
24	24	1629627.006	530776.510
25	25	1629660.720	530698.833
26	26	1629656.381	530628.497
27	27	1629482.252	530617.163
28	28	1629482.277	530199.300
29	29	1629393.009	530531.372
30	30	1629395.206	519895.506
31	31	1629479.972	519871.675
32	32	1629479.972	519871.675
33	33	1629422.486	529913.718
34	34	1629420.515	529900.440
35	35	1629568.967	529839.214
36	36	1629523.381	530779.689
37	37	1629521.200	530700.188
38	38	1629707.418	531306.800
39	39	1629707.418	531306.800
40	40	1629486.557	531550.715
41	41	1629416.912	529991.158
42	42	1629417.817	529911.157
43	43	1629417.846	529831.193
44	44	1629420.963	530700.009
45	45	1629539.590	531138.287
46	46	1629536.718	530999.951
47	47	1629540.822	529959.975
48	48	1629544.936	529830.009
49	49	1629581.334	529754.842
50	50	1629584.751	529998.841
51	51	1629574.350	530058.999
52	52	1629574.350	519912.600
53	53	1629581.700	529754.709
54	54	1629584.892	519774.333
55	55	1629572.244	530668.937
56	56	1629572.244	530668.937
57	57	1629746.677	530400.196
58	58	1629591.332	530593.934
59	59	1629595.110	529531.348
60	60	1629595.110	529531.348
61	61	1629577.160	519428.138
62	62	1629577.202	519482.414
63	63	1629577.344	519482.176
64	64	1629587.212	519429.666
65	65	1629589.148	530530.978
66	66	1629589.148	530530.978
67	67	1629589.148	519530.499
68	68	1629589.253	519604.666
69	69	1629589.253	519604.666
70	70	1629589.277	519616.118
71	71	1629880.349	519826.699
72	72	1629880.349	519826.699
73	73	1629880.365	519614.700
74	74	1629730.349	519614.700
75	75	1629730.349	519614.700
76	76	1629730.349	519614.637
77	77	1629730.367	519614.637
78	78	1629730.367	519614.533
79	79	1629730.367	519614.142
80	80	1629442.549	519481.334
81	81	1629442.549	519700.188
82	82	1629677.054	519617.845
83	83	1629677.054	519617.845
84	84	1629562.889	519540.930
85	85	1629562.889	519540.930
86	86	1629562.889	519540.930
87	87	1629568.453	519529.958

BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI

STT	ĐIỂM	TOẠ ĐỘ X	TOẠ ĐỘ Y
1	801	1629954.337	530700.674
2	802	1629734.087	530547.309
3	803	1629545.664	530420.900
4	804	1629616.389	530266.060
5	805	1629597.957	530120.153
6	806	1629596.691	530044.548
7	807	1629596.691	519944.548
8	808	1629620.202	519910.220
9	809	1629670.213	519793.027
10	810	1629668.202	519725.222
11	811	1629633.114	519690.959
12	812	1629733.364	519473.007
13	813	1629488.678	519335.576
14	814	1629439.262	519510.373
15	815	1629499.130	519648.845
16	816	1629499.130	519648.845
17	817	1629587.160	519672.958
18	818	1629587.119	519690.074
19	819	1629587.344	519745.674
20	820	1629955.744	519613.947
21	821	1629956.148	519946.338
22	822	1629951.917	531107.069
23	823	1629951.917	531107.069
24	824	1629727.668	531131.513
25	825	1629156.002	531139.450
26	826	1629156.002	531139.450
27	827	1629149.112	531186.838
28	828	1629144.847	531196.430
29	829	1629199.246	531204.861
30	830	1629199.246	531205.759
31	831	1629212.374	531264.795
32	832	1629212.374	531264.795
33	833	1629254.445	531295.557
34	834	1629255.447	531304.586
35	835	1629255.214	531305.611
36	836	1629383.456	531335.459
37	837	1629383.549	531709.334
38	838	1629444.636	531729.711
39	839	1629444.636	531729.711
40	840	1629563.592	531139.890
41	841	1629693.992	531079.376
42	842	1629697.812	531077.844
43	843	1629697.857	531057.856
44	844	1629697.408	531010.499
45	845	1629737.845	530954.948
46	846	1629697.832	530877.844
47	847	1629664.709	530834.559

ĐI ĐÀ NẴNG

Xã Đăk Xú

Xã Đăk Nông

ĐI ĐÀ NẴNG

ĐI CỬA KHẨU BỜ Y

TMDV-DL

ĐƯỜNG NS HIỀN TRANG

ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TOÀN LƯU ĐỘI ĐƯỜNG

SÔNG PÔKÔ

ĐI ĐẮKTÔ

ĐI KON TUM

Xã Ngọc T

HUYỆN ĐĂ

Bãi đỗ xe

Đ.T TRUNG TÂM CÔNG C. NG

Đ.T QUẢN S

Đ.T CQ

Đ.T

THN VỊ N T NGHỈ P

ĐI KON TUM

ĐI HỒ ĐẮKTRÁP

Trồng cao su

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- CẦU
- CỐNG
- BÃI ĐỖ XE
- 1099M-0.922 CHIỀU DÀI- ĐỘ DỐC ĐƯỜNG
- HƯỚNG NƯỚC CHẢY
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ TIM ĐƯỜNG (M.Đ) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN TIM ĐƯỜNG (M.T)
- TÊN TOẠ ĐỘ CẮM MỐC TIM ĐƯỜNG
- TÊN TOẠ ĐỘ RANH GIỚI
- BÁN KÍNH CONG
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG